

Số: 46 /2017/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 7 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu  
bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Lâm Đồng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số 193/TTr-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2.** Kinh phí thực hiện một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Lâm Đồng được cân đối, bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp hiện hành.

**Điều 3.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 104/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VIII về việc quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Lâm Đồng.

Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thuộc tỉnh Lâm Đồng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa IX, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2017. /.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT. HĐND, UBND tỉnh,
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Khóa XIV;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH, Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chi cục VT, LT;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS ký họp.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Đức Quận**

## QUY ĐỊNH

Một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động  
của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Lâm Đồng  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 46 /2017/NQ-HĐND  
ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng  
Khóa IX, kỳ họp thứ 3)

### Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Lâm Đồng, gồm:

1. Chi tổ chức lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương;
2. Chi xây dựng văn bản của Hội đồng nhân dân và hoạt động thẩm tra các báo cáo, tờ trình và dự thảo nghị quyết của Ủy ban nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân cùng cấp;
3. Chi cho công tác giám sát, khảo sát;
4. Chi tiếp xúc cử tri;
5. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo;
6. Chi phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân;
7. Một số chế độ chi tiêu khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chế độ chi tiêu được áp dụng đối với hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, các Ban của Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác tham gia phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo yêu cầu.

### Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc chi tiêu tài chính đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao; đảm bảo đúng chế độ, định mức, đối tượng quy định.

2. Các chế độ chi tiêu khác đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp chưa có trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Riêng đối với các khoản chi đặc thù, Thường trực Hội đồng nhân dân

các cấp căn cứ dự toán ngân sách được giao hàng năm và tình hình thực tế của Hội đồng nhân dân cấp mình để quyết định cụ thể.

## Chương II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

**Điều 4. Chi tổ chức lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương**

1. Chi tổ chức họp:

- a) Người chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi;
- b) Các thành viên tham dự cuộc họp (theo danh sách dự họp): 100.000 đồng/người/buổi;
- c) Người phục vụ cuộc họp: 50.000 đồng/người/buổi.
- d) Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự cuộc họp: 500.000 đồng/văn bản.

Các mức chi quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng chung cho cấp tỉnh và cấp huyện.

2. Chi viết báo cáo tổng hợp ý kiến: 500.000 đồng/báo cáo.

**Điều 5. Chi xây dựng văn bản của Hội đồng nhân dân và chi thẩm tra các báo cáo, tờ trình và dự thảo nghị quyết của Ủy ban nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm và các báo cáo (bao gồm cả báo cáo định kỳ), tờ trình của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/bộ văn bản;
- Cấp huyện: 400.000 đồng/bộ văn bản;
- Cấp xã: 200.000 đồng/bộ văn bản.

2. Chi tổ chức họp thẩm tra các báo cáo, tờ trình và dự thảo nghị quyết của Ủy ban nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân cùng cấp: Thực hiện các mức chi quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

3. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, tờ trình và dự thảo nghị quyết của Ủy ban nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân cùng cấp:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/văn bản;
- Cấp xã: 150.000 đồng/văn bản.

4. Chi chính lý, rà soát kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thông qua tại kỳ họp; chỉnh sửa biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/lần chỉnh lý;
- Cấp huyện: 150.000 đồng/lần chỉnh lý;
- Cấp xã: 100.000 đồng/lần chỉnh lý.

#### **Điều 6. Chi cho công tác giám sát, khảo sát**

1. Chi cho đoàn giám sát:

a) Chi xây dựng kế hoạch, đề cương và quyết định thành lập đoàn giám sát:

- Cấp tỉnh: 800.000 đồng/bộ văn bản;
- Cấp huyện: 400.000 đồng/bộ văn bản;
- Cấp xã: 200.000 đồng/bộ văn bản.

b) Chi cho thành viên tham gia đoàn giám sát:

Trong thời gian thực hiện giám sát, ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành, thành viên tham gia đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân và đoàn giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân được hưởng chế độ bồi dưỡng như sau:

- Trưởng đoàn giám sát: Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 120.000 đồng/buổi; cấp xã: 80.000 đồng/buổi.

- Thành viên của đoàn giám sát và đại diện chính quyền, các cơ quan, đơn vị, tổ chức được mời tham dự: Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 60.000 đồng/buổi; cấp xã: 40.000 đồng/buổi.

- Cán bộ, công chức và người lao động phục vụ đoàn:

+ Trực tiếp phục vụ: Cấp tỉnh và cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

+ Gián tiếp phục vụ: Cấp tỉnh và cấp huyện: 30.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 20.000 đồng/người/buổi.

c) Chi các cuộc họp: Thực hiện các mức chi quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát:

- Cấp tỉnh: 700.000 đồng/báo cáo;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

2. Chi giám sát hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Chi nghiên cứu tổng hợp, báo cáo về công tác xử lý đơn thư:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo;

- Cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xác minh, thu thập thông tin: 50.000 đồng/buổi (áp dụng chung cho cả ba cấp).

c) Chi xây dựng báo cáo giám sát việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo trình Thường trực Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

3. Chi giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri:

Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri; báo cáo đề xuất xử lý, giám sát việc giải quyết việc kiến nghị của cử tri; báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

4. Chi cho công tác khảo sát: Mức chi bằng 50% mức chi cho công tác giám sát quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 6 Quy định này.

### **Điều 7. Chi tiếp xúc cử tri**

1. Tùy theo điều kiện của điểm tiếp xúc cử tri, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định mức chi hỗ trợ cho điểm tiếp xúc cử tri nhằm trang trải các chi phí cần thiết như trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác:

- Cấp tỉnh: Không quá 1.500.000 đồng/điểm;
- Cấp huyện: Không quá 1.000.000 đồng/điểm;
- Cấp xã: Không quá 500.000 đồng/điểm.

2. Chế độ bồi dưỡng tiếp xúc cử tri:

a. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện chính quyền và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; cán bộ, công chức, nhân viên cấp tỉnh và cấp huyện tham gia tiếp xúc cử tri và phục vụ tiếp xúc cử tri được hưởng chế độ bồi dưỡng như sau:

- Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện chính quyền và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 200.000 đồng/người/điểm;

- Cán bộ, công chức, nhân viên tham gia phục vụ trực tiếp: 150.000 đồng/người/điểm (không quá 02 người/điểm);

- Cán bộ, công chức, nhân viên tham gia phục vụ gián tiếp: 70.000 đồng/người/điểm (không quá 03 người/điểm, kể cả lái xe).

b. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 200.000 đồng/người/năm;

3. Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;

- Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo;

- Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

### **Điều 8. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo**

1. Chi tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo các cơ quan liên quan được phân công tiếp công dân: 100.000 đồng/người/buổi;

b) Cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp: 50.000 đồng/người/buổi;

c) Cán bộ, công chức phục vụ gián tiếp: 30.000 đồng/người/buổi.

2. Chi xây dựng báo cáo Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân về tình hình và kết quả tiếp công dân:

- Cấp tỉnh: 600.000 đồng/báo cáo;

- Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo;

- Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

### **Điều 9. Chi phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời tham dự kỳ họp và nhân viên phục vụ kỳ họp:

a) Chủ tọa kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

b) Thư ký kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

- Cấp huyện: 75.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời tham dự kỳ họp theo danh sách:

- Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi;

- Cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

d) Nhân viên phục vụ kỳ họp:

- Trực tiếp phục vụ: Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 40.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi;

- Gián tiếp phục vụ: Cấp tỉnh: 30.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 25.000 đồng/buổi; cấp xã: 20.000 đồng/buổi.

Trường họp kỳ họp được tổ chức vào các ngày nghỉ hàng tuần (thứ Bảy, Chủ nhật), mức chi cho chủ tọa, thư ký kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời tham dự kỳ họp và nhân viên phục vụ kỳ họp bằng 2 (hai) lần mức chi quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

2. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời tham dự kỳ họp và nhân viên phục vụ kỳ họp:

a) Hỗ trợ trong trường họp ăn tập trung:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;

- Cấp huyện 150.000 đồng/người/ngày;

- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

b) Hỗ trợ trong trường họp không ăn tập trung:

- Cấp tỉnh và cấp huyện: 100.000 đồng/người/ngày;

- Cấp xã: 60.000 đồng/người/ngày.

Đối với kỳ họp sơ kết, tổng kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, mức hỗ trợ tiền ăn bằng 2 (hai) lần mức chi quy định tại khoản 2 Điều này.

3. Chi thuê phòng nghỉ cho đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời tham dự kỳ họp: Thực hiện theo quy định của chế độ công tác phí hiện hành.

4. Chi tiền nước uống cho đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời tham dự kỳ họp:

- Cấp tỉnh và cấp huyện: 20.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 10.000 đồng/người/buổi.

5. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Cấp huyện: 500.000 đồng/báo cáo;

- Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo.

## **Điều 10. Một số chế độ chi tiêu khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân**

1. Chế độ chi công tác thông tin, tuyên truyền các hoạt động của Hội đồng nhân dân (họp báo trước và sau kỳ họp; tuyên truyền tiếp xúc cử tri, kết quả kỳ họp, các hoạt động chuyên đề của Hội đồng nhân dân...) do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.



2. Chế độ chi đối với việc thuê chuyên gia để phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng nhân dân và các ban của Hội đồng nhân dân:

Tùy theo nội dung và tính cấp thiết của chuyên đề, đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân và các ban của Hội đồng nhân dân ký hợp đồng với chuyên gia với mức chi không quá 2.500.000 đồng/bài.

3. Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân liên quan đối với các văn bản có nội dung phức tạp: Mức chi 200.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến một cá nhân tối đa là 600.000 đồng/văn bản.

4. Chế độ tặng quà đối với các đối tượng chính sách, xã hội:

Các đối tượng chính sách được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân; gia đình liệt sỹ, hộ nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú, các đơn vị bộ đội, công an đóng quân ở vùng sâu, vùng xa..., khi Hội đồng nhân dân tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà với mức giá trị do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định, mức tối đa:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/lần thăm đối với tập thể và 700.000 đồng/lần thăm đối với cá nhân.

- Cấp huyện: 2.000.000 đồng/lần thăm đối với tập thể và 500.000 đồng/lần thăm đối với cá nhân.

- Cấp xã: 500.000 đồng/lần thăm đối với tập thể và 300.000 đồng/lần thăm đối với cá nhân.

5. Chế độ tặng quà lưu niệm:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ được tặng quà lưu niệm với mức chi:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người;

- Cấp huyện: 700.000 đồng/người;

- Cấp xã: 500.000 đồng/người.

b) Cán bộ, công chức và người lao động thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác sang cơ quan khác được tặng quà lưu niệm với mức chi 1.000.000 đồng/người.

6. Chế độ thăm hỏi, trợ cấp đối với đại biểu Hội đồng nhân dân:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi:

- Cấp tỉnh: Không quá 700.000 đồng/người/lần; trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi thăm hỏi tối đa không quá 5.000.000 đồng/người/lần;

- Cấp huyện: Không quá 700.000 đồng/người/lần; trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi thăm hỏi tối đa không quá 3.000.000 đồng/người/lần;

- Cấp xã: Không quá 500.000 đồng/người/lần; trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi thăm hỏi tối đa không quá 2.000.000 đồng/người/lần.

Việc chi thăm hỏi không quá 2 (hai) lần/người/năm.

b) Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng) của đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm khi ốm đau phải nằm viện được chi tiền thăm hỏi:

- Cấp tỉnh và cấp huyện: Không quá 500.000 đồng/người/lần; trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi thăm hỏi tối đa không quá 2.000.000 đồng/người/lần;

- Cấp xã: Không quá 300.000 đồng/người/lần; trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi thăm hỏi tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/lần.

Việc chi thăm hỏi không quá 2 lần/người/năm.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân; cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng) của đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm nếu từ trần thì gia đình được trợ cấp:

- Cấp tỉnh: Không quá 1.300.000 đồng/người;

- Cấp huyện: Không quá 1.000.000 đồng/người;

- Cấp xã: Không quá 500.000 đồng/người.

d) Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn thì tùy theo hoàn cảnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức trợ cấp nhưng không vượt quá 5.000.000 đồng/người.

e) Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp đối với cán bộ, công chức và người lao động thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh được áp dụng theo chế độ thăm hỏi, trợ cấp đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

g). Mức chi cụ thể đối với từng trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 10 Quy định này do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.

#### 7. Cấp tiền may lễ phục:

Trong nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may lễ phục với mức 6.000.000 đồng/người; cán bộ, công chức và người lao động thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may lễ phục với mức 4.000.000 đồng/người; đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được cấp tiền may lễ phục với mức 3.000.000 đồng/người.

8. Chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu hàng năm:

Ngoài các chế độ theo quy định (nếu có), đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp kinh phí để thực hiện chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu hàng năm với mức:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/năm;
- Cấp huyện: 2.000.000 đồng/người/năm.
- Cấp xã: 500.000 đồng/người/năm.

Riêng năm chuyên giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

1. Các chế độ chi tiêu theo Quy định này được thực hiện sau khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

2. Hàng năm, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên rà soát các nội dung và định mức chi tiêu tài chính đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo Quy định này, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /- /*1/7*

**CHỦ TỊCH**



**Trần Đức Quận**